

Đ/c: Số 5A ngõ 252/53 Tây Sơn, Đống Đa, HN

Môn: ĐẠI SỐ LỚP 6

PHIẾU SỐ 46

Thứ Ngày

ĐIỂM SỐ

Họ tên:

Nhận xét:

(Ước mơ chỉ thành hiện thực khi bạn nỗ lực hành động,

Hãy hành động vì ước mơ của bạn !)

=====^^^=====

BÀI 46. ÔN TẬP THỐNG KÊ XÁC SUẤT – HAI BÀI TOÁN PHÂN SỐ**I. THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT**

Câu 1: Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh lớp 6C sử dụng các phương tiện khác nhau để đến trường

Đi bộ	⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗	(Mỗi ⊗ ứng với 2 học sinh)
Xe đạp điện	⊗ ⊗ ⊗ ⊗	
Xe đạp	⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗	
Phương tiện khác	⊗ ⊗ ⊗	

Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết: Có bao nhiêu học sinh đi bộ đến trường?

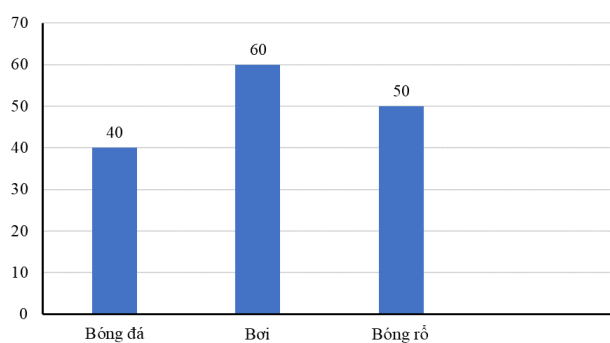
A. 6.

B. 5.

C. 10.

D. 12.

Câu 2: Để chuẩn bị cho hoạt động chào mừng ngày 26/3, lớp trưởng 6A1 điều tra về các môn thể thao yêu thích của các bạn trong khối 6 và được kết quả sau: Số bạn học sinh yêu thích môn Bóng rổ là



A. 60.

B. 45.

C. 40.

D. 50.

Câu 3: Nếu tung một đồng xu 18 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S bằng bao nhiêu?

A. $\frac{7}{18}$.B. $\frac{11}{18}$.C. $\frac{18}{7}$.D. $\frac{18}{11}$.

Câu 4: Khánh gieo một con xúc xắc 50 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	4	10	11	7	12	6

Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 3 chấm là:

- A. $\frac{11}{3}$ B. $\frac{3}{11}$ C. $\frac{11}{50}$ D. $\frac{3}{50}$

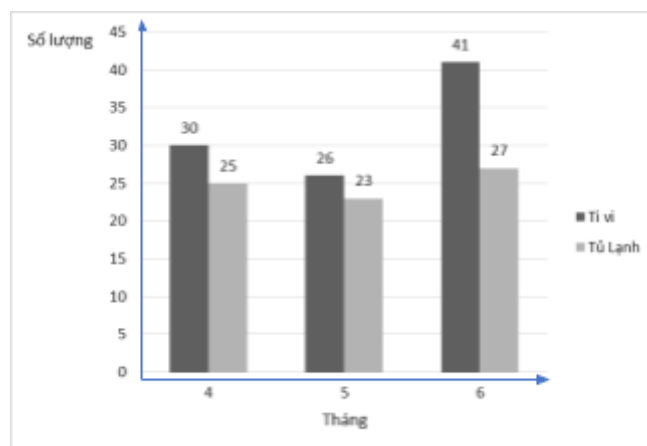
TỰ LUẬN.

Câu 5: Một chiếc hộp kín đựng một số quả bóng màu xanh, đỏ, tím, và vàng có cùng kích thước. Trong một trò chơi, người chơi lấy ngẫu nhiên một quả bóng, ghi lại màu rồi trả lại bóng vào hộp, thực hiện 60 lần và được kết quả như bảng sau:

Màu	Xanh	Đỏ	Tím	Vàng
Số lần	23	11	12	14

- a) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện quả bóng màu xanh?
b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện quả bóng không phải màu tím?

Câu 6: Biểu đồ cột kép ở Hình 20 biểu diễn số lượng Tivi và Tủ lạnh bán ra trong ba tháng 4, 5, 6 của siêu thị Điện máy Xanh



- a) Tính tổng số lượng Tivi bán được trong ba tháng 4, 5, 6?
b) Số lượng Tủ lạnh bán trong tháng 5 ít hơn số lượng Tủ lạnh bán trong tháng 4 là bao nhiêu chiếc?
c) Số lượng Tivi bán trong tháng 6 nhiều hơn số lượng Tivi bán trong tháng 4 là bao nhiêu chiếc?

II. HAI BÀI TOÁN PHÂN SỐ.

Câu 1: Phép tính $\frac{-3}{5} + \frac{7}{8}$ có kết quả bằng:

A. $\frac{11}{40}$. B. $\frac{-11}{40}$. C. $\frac{59}{40}$. D. $\frac{-59}{40}$.

Câu 2: Cho $\frac{3}{2}x = \frac{1}{2}$. Kết quả giá trị x là:

A. $\frac{1}{3}$. B. $\frac{7}{3}$. C. $\frac{-1}{3}$. D. $\frac{3}{11}$.

Câu 3: $\frac{3}{8}$ của 24 là.

A. $\frac{189}{8}$. B. 64 C. $24\frac{3}{8}$. D. 9

Câu 4: Tính 25% của 24?

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 5: Tìm một số biết $\frac{2}{3}$ của nó là 8 :

A. Số đó là 24. B. Số đó là $\frac{16}{3}$.
C. Số đó là 12. D. Số đó là 20.

Câu 6: $\frac{3}{4}$ số trang sách bằng 48 trang, hỏi cuốn sách bao nhiêu trang:

A. 12 trang. B. 16 trang. C. 36 trang. D. 64 trang

TỰ LUẬN.

Câu 7: Thực hiện phép tính:

a) $\frac{13}{15} + \frac{7}{13} + \frac{-13}{15}$ b) $\frac{6}{11} \cdot \frac{12}{19} + \frac{6}{11} \cdot \frac{7}{19} - \frac{17}{11}$.

Câu 8: Một lớp có 45 học sinh, trong đó số học sinh nam bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh cả lớp

a) Sinh số học sinh mỗi loại

b) Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu % so với cả lớp?

Câu 9: Biết $\frac{2}{5}$ quả dưa hấu nặng 1,4kg. Hỏi quả dưa hấu nặng bao nhiêu kg?

Câu 10: Bạn An đọc hết một cuốn sách trong ba ngày,biết ngày thứ nhất đọc được $\frac{3}{15}$ tổng số trang.Ngày thứ hai đọc được $\frac{2}{5}$ tổng số trang,ngày thứ ba đọc nốt 12 trang.Hỏi cuốn sách có bao nhiêu trang?.

Câu 11: Tính tổng: $S = \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56} + \frac{1}{72} + \frac{1}{90}$

BÀI TẬP VỀ NHÀ

PHẦN LÀM CHUNG (CẢ SÁCH CD VÀ KNTT)

TRẮC NGHIỆM.

Câu 1: Kết quả học tập của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Kết quả học tập	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số HS	20	10	5	2

Số học sinh của lớp 6A là:

- A.** 20. **B.** 10. **C.** 30. **D.** 37.

Câu 2: Kết quả thống kê các bạn lớp 6A đăng kí các câu lạc bộ thể thao như sau

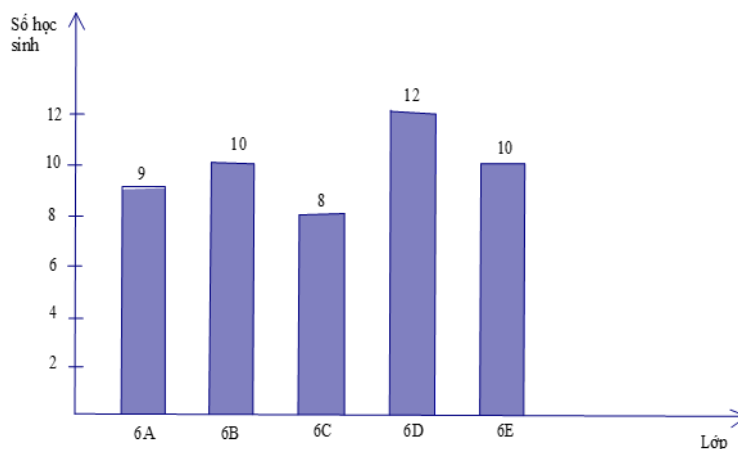
Câu lạc bộ	Số lượng học sinh đăng kí
Bóng rổ	
Bóng đá	
Cầu lông	
Võ thuật	

★ : 2 học sinh ★ : 1 học sinh

Học sinh lớp 6A đăng kí môn thể thao nào nhiều nhất?

- A.** Bóng rổ. **B.** Bóng đá. **C.** Cầu lông. **D.** Võ thuật.

Câu 3: Biểu đồ dưới đây biểu diễn số lượng học sinh đăng kí môn bóng đá của các lớp trong khối 6. Hỏi khối 6 có tất cả bao nhiêu học sinh đăng kí môn bóng đá?



- A. 59. B. 12. C. 39. D. 49

Câu 4: Quan sát con xúc xắc ở hình bên. Mỗi xúc xắc có sáu mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương 1; 2; 3; 4; 5; 6. Gieo xúc xắc một lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc là:



- A. {Mặt 1 chấm; mặt 2 chấm; mặt 3 chấm; mặt 4 chấm; mặt 5 chấm}.
 B. Mặt 1 chấm; mặt 2 chấm; mặt 3 chấm; mặt 4 chấm; mặt 5 chấm.
 C. {Mặt 1 chấm; mặt 2 chấm; mặt 3 chấm; mặt 4 chấm; mặt 5 chấm; mặt 6 chấm}.
 D. Mặt 1 chấm; mặt 2 chấm; mặt 3 chấm; mặt 4 chấm; mặt 5 chấm; mặt 6 chấm.

Câu 5: Gieo một con xúc xắc 20 lần liên tiếp, bạn Hùng ghi lại số chấm trên mặt xuất hiện của con xúc xắc trong mỗi lần gieo. Kết quả như sau:

3	1	4	2	6	2	1	5	4	6
6	5	5	1	4	6	2	3	2	3

5a) Xác suất thực nghiệm của sự kiện: “Gieo được mặt có 6 chấm” là:

- A. $\frac{1}{5}$. B. $\frac{3}{10}$. C. $\frac{3}{20}$. D. $\frac{1}{4}$.

5b) Xác suất thực nghiệm của sự kiện: “Gieo được mặt có số chấm là số chẵn” là:

- A. $\frac{1}{2}$. B. $\frac{9}{20}$. C. $\frac{11}{20}$. D. $\frac{7}{20}$.

5c) Xác suất thực nghiệm của sự kiện: “Gieo được mặt có số chấm lớn hơn 4” là:

- A.** $\frac{1}{2}$. **B.** $\frac{7}{20}$. **C.** $\frac{13}{20}$. **D.** $\frac{11}{20}$.

5d) Xác suất thực nghiệm của sự kiện: “Gieo được mặt có số chấm lớn hơn hoặc bằng 3” là:

- A.** $\frac{1}{2}$. **B.** $\frac{4}{20}$. **C.** $\frac{7}{20}$. **D.** $\frac{13}{20}$.

Câu 6: $\frac{2}{15} + \left(\frac{-5}{6}\right) \cdot \frac{18}{25}$ có kết quả là:

- A.** $\frac{7}{15}$. **B.** $\frac{-7}{15}$. **C.** $\frac{17}{20}$. **D.** $\frac{-23}{20}$.

Câu 7: Tìm x biết: $x - \frac{1}{3} = \frac{-1}{2}$

- A.** $\frac{1}{6}$. **B.** $\frac{-1}{6}$. **C.** $\frac{-5}{6}$. **D.** $\frac{5}{6}$.

Câu 8: Em hãy cho biết $\frac{3}{4}$ của 160 trang sách là:

- A.** 100 trang. **B.** 130 trang. **C.** 140 trang **D.** 120 trang.

Câu 9: Tìm số trang sách của quyển sách. Biết $\frac{2}{7}$ của quyển sách có 16 trang

- A.** 56 trang. **B.** 54 trang. **C.** 50 trang. **D.** 64 trang.

Câu 10: Tìm một số biết $\frac{5}{7}$ của nó bằng 25?

- A.** 53. **B.** $\frac{1}{35}$. **C.** 35. **D.** $\frac{125}{7}$

TỰ LUẬN.

Câu 11: Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể).

a) $-\frac{11}{7} + \frac{4}{7}$. b) $\frac{3}{5} + \frac{6}{17} + \frac{-3}{5}$.

$$c) \frac{10}{11} + \frac{3}{11} : 3 - \frac{1}{2}.$$

$$d) (-19,75) - 67,55 + 31,75 + (-22,45).$$

Câu 12: Tìm x, biết:

$$a) x + 7,3 = 27,5.$$

$$b) \frac{1}{3}x + \frac{7}{10} = \frac{3}{10}.$$

$$c) \frac{x}{9} = \frac{4}{x}.$$

PHẦN DÀNH CHO SÁCH CÁNH DIỀU.

Câu 13: a) Biết $\frac{7}{15}$ khúc vải dài 28 m. Hỏi cả khúc vải đó dài bao nhiêu mét?

b) Mai đọc một cuốn sách dày 180 trang. Ngày thứ nhất Mai đọc được $\frac{1}{4}$ số trang. Ngày thứ hai Mai đọc được $\frac{2}{5}$ số trang còn lại. Hỏi sau hai ngày cuốn sách còn bao nhiêu trang mà Mai chưa đọc?

Câu 14: Chứng minh rằng $\frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{99.100} < 1$.

PHẦN DÀNH CHO SÁCH KNTT.

Câu 15: Biểu đồ tranh (hình vẽ bên) cho biết số lượng đồ chơi bán được tại cửa hàng của bố mẹ Bình vào ngày Chủ Nhật vừa qua.

Loại đồ chơi	Số lượng biểu tượng
Rubik	⊗ ⊗ ⊗
Ô tô điều khiển	⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗
Lego	⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗
Pop It	⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗ ⊗

(Mỗi biểu tượng ⊗ tương ứng với 3 bộ đồ chơi được bán ra)

a) Loại đồ chơi nào được bố mẹ Bình bán ra nhiều nhất trong ngày Chủ Nhật đó? Và số lượng là bao nhiêu bộ?

b) Tính tổng số bộ đồ chơi cửa hàng đã bán được trong ngày Chủ Nhật đó. Lập bảng thống kê số đồ chơi bán được trong ngày Chủ Nhật của cửa hàng.

Câu 16: Một hộp kín có chứa 4 quả bóng có kích thước như nhau gồm các màu xanh (X), đỏ (Đ), vàng (V) và tím (T). Bạn Giang trộn đều số bóng

trong hộp rồi bốc ngẫu nhiên một quả và ghi lại màu của quả bóng, sau đó bỏ lại vào hộp. Giang lặp lại các bước trên 20 lần và ghi lại kết quả như bảng sau:

X	Đ	V	X	T	Đ	X	V	X	X
T	Đ	X	T	Đ	X	Đ	T	X	V

a) Em hãy lập bảng thống kê theo mẫu sau:

Màu bóng	X	Đ	V	T
Số lần xuất hiện				

Cho biết

số lần xuất hiện của bóng màu nào là nhiều nhất?

b) Hãy tính xác suất thực nghiệm để Giang lấy được bóng màu đỏ.